

Số: /TB-BQLQ

Thanh Hóa, ngày tháng 01 năm 2023

THÔNG BÁO
Công khai kết quả thu, chi Quỹ Phòng, chống thiên tai
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2022

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 214/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 về việc thành lập Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa; số 464/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 về việc phê duyệt Phương án hoàn thiện bộ máy quản lý và điều hành Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai của tỉnh cho các đơn vị, địa phương để phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: Số 2771/QĐ-UBND ngày 23/7/2021; số 2827/QĐ-UBND ngày 27/7/2021; số 2179/QĐ-UBND ngày 21/6/2022; số 1931/QĐ-UBND ngày 06/6/2022; số 3041/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 và số 3403/QĐ-UBND ngày 10/10/2022;

Căn cứ Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh hóa năm 2022;

Trên cơ sở kết quả thu, chi Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2022; xác nhận số dư tài khoản tiền gửi của Quỹ Phòng, chống thiên tai tại Kho bạc nhà nước tỉnh năm 2022; Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa (Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai cấp tỉnh) thông báo công khai kết quả thu, chi Quỹ Phòng, chống thiên tai (Quỹ) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2022, cụ thể như sau:

1. Kết quả thu, nộp Quỹ

Tính đến ngày 31/12/2022, tổng số tiền các cơ quan, đơn vị, địa phương thu, nộp và chuyển về tài khoản của Quỹ cấp tỉnh là **14.869,6 triệu đồng**, bao gồm:

- Kinh phí chuyển trả của các đơn vị sau quyết toán là **51,958 triệu đồng**
- Tổng số tiền thu, nộp Quỹ trên địa bàn toàn tỉnh là **14.817,7 triệu đồng**. (không bao gồm số thu được để lại cấp huyện), trong đó:
 - + Các sở, ban, ngành, cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh: 754,0 triệu đồng;
 - + Các huyện, thị xã, thành phố: 6.443,6 triệu đồng;
 - + Các đơn vị lực lượng vũ trang: 273,7 triệu đồng;

- + Các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài do Cục Thuế tỉnh trực tiếp quản lý (doanh nghiệp): 5.410,4 triệu đồng;
- + Các cơ quan, đơn vị, cá nhân nộp trực tiếp về tài khoản Quỹ cấp tỉnh: 347,5 triệu đồng;
- + Các cơ quan, đơn vị nộp theo kế hoạch thu năm 2021: 1.215,8 triệu đồng;
- + Lãi tiền gửi tại Kho bạc: 372,5 triệu đồng.

*(Chi tiết kết quả thu, nộp Quỹ năm 2022 tại phụ lục
và các phụ biểu kèm theo)*

2. Kết quả giải ngân, thanh toán

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phân bổ vốn hỗ trợ cho các đơn vị, địa phương để phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh nêu trên; các quy định, hướng dẫn có liên quan, Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh đã chi tạm ứng, thanh toán cho các đơn vị, địa phương năm 2022 với tổng số tiền là: **19.605,6 triệu đồng**.

3. Số dư tài khoản và số tiền chưa có kế hoạch chi

Tính đến ngày 31/12/2022, theo xác nhận số dư tài khoản của Cơ quan quản lý Quỹ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh là **49.517,2 triệu đồng**, trong đó số tiền chưa có kế hoạch chi là 46.213,9 triệu đồng.

(Có xác nhận số dư tài khoản tại Kho bạc Nhà nước kèm theo).

Cơ quan Quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh thông báo đến các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để biết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh (báo cáo);
- Hội đồng QLQ (báo cáo);
- Sở NN&PTNT (báo cáo);
- Sở Tài chính (báo cáo);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị nộp tiền về Quỹ;
- Ban Kiểm soát Quỹ;
- Website: <http://thanhhoafdfund.gov.vn>;
- Lưu: VT, PCTT.

GIÁM ĐỐC

Đặng Hữu Nghị

Phụ lục:**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỈNH THANH HOÁ, NĂM 2022**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BQLQ ngày / /2023 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hoá)

DVT: VN Đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch thu, nộp Quỹ theo Quyết định số 2736 /QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá			Kết quả thu, nộp về tài khoản Quỹ cấp tỉnh (Tinh đến ngày 31/12/2022)	Tỉ lệ so với kế hoạch (%)	Ghi chú	
		Tổng cộng	Số tiền để lại các huyện, thị xã, thành phố (23%)					Số tiền thu, nộp về tài khoản Quỹ cấp tỉnh
			Hỗ trợ hoạt động phòng, chống thiên tai (20%)	Hỗ trợ lực lượng trực tiếp thu và chi phí hành chính phát sinh (3%)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)-(4)-(5)	(7)	(8)	(9)
I	Các Sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội trên địa bàn thành phố	472.533.182			472.533.182	753.985.509	159,56	Phụ biểu 01
II	UBND các huyện, thị xã, thành phố.	17.614.515.023	3.522.903.005	528.435.451	13.563.176.568	6.443.620.966	47,51	Phụ biểu 02
III	Lực lượng vũ trang	273.700.000			273.700.000	273.700.000	100	Phụ biểu 03
IV	Thu của doanh nghiệp do Cục Thuế quản lý	39.386.292.131			39.386.292.131	5.410.411.791	13,74	Phụ biểu 04
V	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân thu nộp trực tiếp về tài khoản Quỹ cấp tỉnh					347.553.225		Phụ biểu 05
VI	Các cơ quan, đơn vị, địa phương nộp theo kế hoạch năm 2021					1.215.837.362		Phụ biểu 06
VII	Lãi kho bạc					372.543.043		Phụ biểu 07
TỔNG CỘNG:		57.747.040.335			53.695.701.881	14.817.651.896	27,60	

Phụ biểu 01:

**KẾT QUẢ THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỪ KHỎI
CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐOÀN THỂ CẤP TỈNH; CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG ĐÓNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, NĂM 2022**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BQLQ ngày / /2023 của BQL Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

DVT: VN Đồng

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số tiền thu nộp về Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh
(1)	(2)	(3)
TỔNG CỘNG		753.985.509
I	CÁC CƠ QUAN, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH	595.537.559
1	Văn phòng Tỉnh Ủy	17.108.000
2	Văn phòng UBND tỉnh	10.902.000
3	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	7.481.000
4	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	1.480.000
5	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	8.000.000
6	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	1.156.000
7	Ban Nội chính Tỉnh ủy	782.000
8	Đảng ủy khối cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh	1.520.000
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	10.449.000
10	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	22.812.500
11	Sở Nông nghiệp và PTNT	19.044.000
12	Sở Tư pháp	14.000.000
13	Sở Công thương	4.560.000
14	Sở Xây dựng	4.013.000
15	Sở Giao thông vận tải	69.087.231
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	6.924.000
17	Sở Nội vụ	3.230.000
18	Sở Tài chính	22.051.435
19	Sở Y tế	217.846.877
20	Sở Khoa học và Công nghệ	3.395.000
21	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.404.000
22	Sở Thông tin và Truyền thông	1.156.000
23	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	44.069.516
24	Sở Ngoại vụ	748.000
25	Ban Dân tộc	3.445.000

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số tiền thu nộp về Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh
(1)	(2)	(3)
26	Thanh tra tỉnh	11.043.000
28	Viện Nông nghiệp tỉnh Thanh Hoá	4.231.000
29	Báo Thanh Hoá	3.094.000
30	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	28.296.000
31	Trường Chính trị tỉnh	2.754.000
32	Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch	6.293.000
33	Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hoá	2.000.000
34	Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch	714.000
35	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hoá	2.108.000
36	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp Thanh Hoá	7.300.000
37	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	3.808.000
38	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hoá	5.966.000
39	Ban quản lý dự án đầu tư Công trình giao thông Thanh Hóa	19.636.000
40	Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa	630.000
II	CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI CẤP TỈNH	26.633.000
1	Mặt trận tổ quốc tỉnh	5.050.000
2	Hội Nông dân tỉnh	10.450.000
3	Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh	7.734.000
4	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	2.345.000
5	Liên minh các HTX tỉnh	1.054.000
III	CƠ QUAN THUỘC TRUNG ƯƠNG ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH	131.814.950
1	Tòa án nhân dân tỉnh	13.961.000
2	Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh	15.000.000
3	Kho bạc Nhà nước tỉnh	15.000.000
4	Ngân hàng Nhà nước tỉnh	5.913.000
5	Cục Quản lý thị trường tỉnh	5.746.000
6	Cục Thống kê Thanh Hóa	11.288.000
7	Cục Thuế tỉnh	8.058.500
8	Cục Hải quan tỉnh	10.000.000
9	Cục Thi hành án dân sự tỉnh	7.835.723

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số tiền thu nộp về Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>
10	Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa	5.520.000
11	Cảng vụ Hàng hải tỉnh	5.987.000
12	Kho 661, Cục xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	7.223.000
13	Kho K822, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	15.000.000
14	Kho K826, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	5.282.727

Phụ biểu 02:

**KẾT QUẢ THU QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỪ CÁC HUYỆN, THỊ XÃ,
THÀNH PHỐ NỘP VỀ TÀI KHOẢN CƠ QUAN QUỸ CẤP TỈNH, NĂM 2022**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BQLQ ngày / /2023 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: VN Đồng

STT	Đơn vị/Địa phương	Số tiền thực tế thu, nộp về tài khoản Quỹ cấp tỉnh	Ghi chú
Tổng cộng		6.443.620.966	
1	Thành phố Thanh Hóa	571.789.000	
2	Thành phố Sầm Sơn	113.794.000	
3	Thị xã Bỉm Sơn	0	Chưa nộp
4	Thị xã Nghi Sơn	609.855.516	
5	Huyện Vĩnh Lộc	166.741.000	
6	Huyện Nông Cống	401.170.000	
7	Huyện Thiệu Hóa	0	Chưa nộp
8	Huyện Triệu Sơn	424.736.000	
9	Huyện Yên Định	0	Chưa nộp
10	Huyện Thọ Xuân	450.000.000	
11	Huyện Hà Trung	241.466.000	
12	Huyện Đông Sơn	132.517.308	
13	Huyện Quảng Xương	243.147.000	
14	Huyện Hoằng Hóa	471.000.000	
15	Huyện Hậu Lộc	470.630.000	
16	Huyện Nga Sơn	400.000.000	
17	Huyện Như Thanh	197.290.000	
18	Huyện Thạch Thành	174.931.000	
19	Huyện Cẩm Thủy	437.435.450	
20	Huyện Ngọc Lặc	199.960.789	
21	Huyện Như Xuân	170.268.000	
22	Huyện Thường Xuân	104.484.440	
23	Huyện Lang Chánh	60.775.738	
24	Huyện Bá Thước	184.501.000	
25	Huyện Quan Hóa	138.496.000	
26	Huyện Quan Sơn	45.154.725	
27	Huyện Mường Lát	33.478.000	

Phụ biểu 03:

**KẾT QUẢ THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỪ
KHỐI LỰC LƯỢNG VŨ TRANG, NĂM 2022**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BQLQ ngày / /2023 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

DVT: VN Đồng

ST T	Đơn vị	Kết quả thu nộp Quỹ	Ghi chú
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>
	Tổng cộng	273.700.000	
1	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	40.000.000	
2	Công an tỉnh	200.000.000	
3	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	33.700.000	

Phụ biểu 04:

**KẾT QUẢ THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỪ CÁC DOANH NGHIỆP
DO CỤC THUẾ TỈNH QUẢN LÝ, NĂM 2022**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BQLQ ngày / /2023 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

DVT: VN Đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Tổng số tiền đóng góp	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng cộng		5.410.411.791	
1	C.ty TNHH Lốp Cofo Việt Nam	23.071.000	
2	Ngân Hàng Nông Nghiệp & PTNT Việt Nam - CN H. Hà Trung TH	1.829.000	
3	C.ty TNHH HTV Lam Sơn	8.648.000	
4	C.ty TNHH Giấy Akalia Việt Nam	217.616.000	
5	C.ty TNHH MTV thủy lợi Nam Sông Mã	108.522.000	
6	Ngân Hàng Nông Nghiệp & PTNT Việt Nam-CN H. Thạch Thành TH	2.243.000	
7	C.ty CP nước mắm Thiên Hương	2.482.000	
8	C.ty TNHH Duyệt Cường	30.096.000	
9	C.ty CP Cromit Nam Việt	67.922.000	
10	C.ty TNHH MTV Chính Minh Mạc Thuận	2.033.000	
11	C.Ty TNHH Nông Nghiệp Cnc Hồ Gươm - Sông Âm	13.000.000	
12	C.ty TNHH MTV Thành Công	5.000.000	
13	C.ty CP Sécentine & phân bón TH	9.271.432	
14	Ngân Hàng Nông Nghiệp & PTNT Việt Nam - CN H. Nga Sơn TH	3.011.000	
15	C.ty CP phân bón Lam Sơn	8.358.000	
16	C.ty TNHH MTV thuốc lá TH	141.772.000	
17	C.ty TNHH Sewing T&T	7.438.000	
18	C.ty TNHH Giấy Alina Việt Nam	18.545.000	
19	C.ty TNHH Đầu Tư & Phát Triển Hong Fu Việt Nam	100.000.000	
20	C.ty TNHH Đầu Tư & PT Eagle Huge VN	100.000.000	
21	C.ty TNHH May Man Seon Global	5.638.000	
22	C.ty CP ĐT khai khoáng & quản lý tài sản FLC	38.819.000	
23	C.ty TNHH Dịch Vụ & TM Phúc Hải	2.000.000	
24	C.ty CP Lợn Giống Dân Quyền	4.724.000	
25	Ngân Hàng Nông Nghiệp & PTNT Việt Nam-CN H. Hoằng Hóa TH	3.074.000	

TT	Tên doanh nghiệp	Tổng số tiền đóng góp	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
26	C.ty lâm nghiệp Lang Chánh	1.777.000	
27	C.ty CP PCA Đại dương Xanh	1.300.000	
28	Tổng C.ty CP công trình giao thông I Thanh Hoá	5.000.000	
29	C.ty TNHH Thn Autoparts Việt Nam	87.061.138	
30	C.ty TNHH Thanh Thành Đạt - Nhà Máy Chế Biến Gỗ Xuất Khẩu Cẩm Thủy	7.664.000	
31	C.ty TNHH Fruit Of The Loom Việt Nam	94.292.000	
32	C.ty TNHH May Dh Vina	5.000.000	
33	C.ty TNHH Đông Hải	10.000.000	
34	C.ty TNHH MTV Bò Sữa Thống Nhất TH	121.125.000	
35	C.ty TNHH May Mặc XK Appareltech Vĩnh Lộc	54.268.000	
36	Ngân Hàng Nông Nghiệp & PTNT Việt Nam - CN Bắc TH	5.739.000	
37	C.ty TNHH TM & đầu tư vàng bạc Quân Nga	2.000.000	
38	C.ty TNHH Winners Vina	63.551.000	
39	C.ty TNHH Một Thành Viên Tce Jeans	100.000.000	
40	C.ty CP Giống Gia Súc Thanh Ninh	4.338.000	
41	Cty TNHH 1TV Thủy Lợi Bắc Sông Mã	70.955.000	
42	C.ty CP Dụng Cụ Thể Thao Delta	181.375.000	
43	Ngân Hàng Nông Nghiệp & PTNT Việt Nam - CN H. Hậu Lộc TH	2.066.000	
44	C.ty TNHH Sản Phẩm Nhựa Hing Lung	4.381.000	
45	C.ty CP mía đường Thanh Hoá	14.282.000	
46	C.ty TNHH Đường Mía Việt Nam - Đài Loan	113.750.000	
47	C.ty TNHH xăng dầu TH	101.443.000	
48	C.Ty TNHH Sản xuất, TM & DV Bông Sen	14.753.000	
49	CN Nhà máy ô tô VEAM	120.909.637	
50	Cty CP khoáng sản Fecon Hải Đăng	39.482.000	
51	C.Ty TNHH Năng Lượng Đông Sơn	566.000	
52	C.ty TNHH Tae Il Beauty	5.250.000	
53	C.ty Bảo Minh TH	1.187.000	
54	C.ty TNHH Giấy Aleron Việt Nam	100.000.000	
55	Ngân Hàng Nông Nghiệp & PTNT Việt Nam-CN TX Bim Sơn, TH	2.111.000	
56	Chi Nhánh C.ty TNHH Quốc Tế Kam Fung Việt Nam	3.159.000	

TT	Tên doanh nghiệp	Tổng số tiền đóng góp	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
57	CN C.ty giống cây trồng trung ương Thoá	1.000.000	
58	C.ty CP VLXD Bắc TH	2.940.000	
59	C.ty TNHH Sunhomes Laboratory Việt Nam	12.244.000	
60	C.ty TNHH TM & XNK Lam Sơn	8.112.000	
61	C.ty TNHH hạt giống HANA	14.457.000	
62	C.ty CP giấy Lam Sơn TH	39.924.000	
63	C.ty CP Phú Nam Sơn	23.182.000	
64	C.ty TNHH Công nghiệp Long Sơn	103.298.000	
65	C.ty TNHH Oceanus Outwear - Chi nhánh TH	1.319.000	
66	C.ty TNHH MTV Thép VAS Nghi Sơn	140.162.375	
67	C.ty CP ĐT & PT Hoàng Sơn	2.459.000	
68	Tổng C.ty CP XD Thanh Hoá	106.266.000	
69	C.ty lâm nghiệp Cẩm Ngọc	1.000.000	
70	C.ty TNHH Miju Vina	19.812.500	
71	C.ty CP gang thép Nghi Sơn (C.ty CP Tập đoàn Vas Nghi Sơn)	61.861.043	
72	Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam - CN TH	11.148.000	
73	C.ty xổ số kiến thiết TH	7.808.066	
74	C.ty TNHH Dịch Vụ & Chăn Nuôi New Hope TH	100.000.000	
75	C.ty CP Sản Xuất Chế Biến Nông Lâm Sản & Vật Tư Nông Nghiệp Phúc Thịnh (Phúc Thịnh PPAF.,JSC)	71.665.000	
76	C.ty TNHH Ds Hi-Tech Vina		
77	C.ty CP xi măng Bỉm Sơn	201.603.478	
78	C.ty CP mía đường Lam Sơn	130.000.000	
79	C.ty TNHH Kuwait Việt Nam Petrochemicals	792.000	
80	C.ty TNHH MTV Sông Chu	60.996.000	
81	C.ty TNHH S&H Vina	91.577.577	
82	C.ty TNHH Dầu Thực Vật Khu Vực Miền Bắc Việt Nam (North Continental Oils & Fats Vietnam Company Limited)	119.133.269	
83	Liên Danh Nhà Thầu Hdc-Kumho Hàn Quốc	4.406.720	
84	C.ty TNHH Giấy Venus Việt Nam	100.000.000	
85	C.ty TNHH MTV cảng tổng hợp quốc tế Nghi sơn	18.496.452	
86	C. ty CP bao bì Lam Sơn	9.968.000	
87	C.ty CP Đầu Tư & Công Nghệ Y Khoa Hà Nội 4.0+	6.748.000	

TT	Tên doanh nghiệp	Tổng số tiền đóng góp	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
88	C.ty TNHH Đức Cường 36	10.113.000	
89	C.ty TNHH Chí Hiếu Phúc Lộc	10.113.000	
90	C.ty CP cấp nước TH	154.682.000	
91	C.ty CP CROMIT Cổ Định TH - TKV	90.797.508	
92	Tổng C.ty Hợp Lực	20.000.000	
93	C.ty TNHH Giấy Annora Việt Nam	100.000.000	
94	C.ty TNHH Dayou Ap Vina	1.467.000	
95	C.ty TNHH Stech Vina Vn	18.562.000	
96	Ngân Hàng Nông Nghiệp & PTNT Việt Nam-CN H. Vĩnh Lộc TH	1.948.000	
97	VP Công Chứng Phạm Văn Quyền	590.000	
98	C.ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn	100.000.000	
99	C.ty CP TM Tân Thành Phát	16.000.000	
100	C.ty CP Đầu Tư & Dịch Vụ Cảng Hàng Không Việt Nam – Chi Nhánh TH	1.000.000	
L2	C.ty CP Lợn Giống Dân Quyền	1.180.000	
101	C.ty TNHH Giấy Alena Việt Nam	100.000.000	
102	C.ty TNHH Seil M - Tech Vina	38.380.000	
103	C.ty CP dịch vụ nước sạch Triệu Sơn	14.540.000	
104	C.ty CP giấy bao bì In báo	2.000.000	
L2	C.ty TNHH Dịch Vụ & Chăn Nuôi New Hope TH	14.375.000	
105	C.ty TNHH Soto	123.561.096	
106	C.ty TNHH Giấy Roll Sport Việt Nam	100.000.000	
107	C.ty TNHH Sakurai Việt Nam	100.000.000	
108	C.ty CP quản lý đường thủy nội địa & XD giao thông TH	7.665.000	
109	Cty TNHH Lý Oanh	3.000.000	
110	C.ty CP dược vật tư y tế T.Hoá	137.371.000	
111	C.ty TNHH Giấy Weilina Việt Nam	100.000.000	
112	C.ty CP VICEM bao bì Bỉm Sơn	10.000.000	
113	C.ty CP thủy điện Hoàng Anh TH	31.730.000	
114	C.ty TNHH MTV Kim Chung CT	1.890.000	
115	C.ty TNHH In Kyung Vina Co.,Ltd	17.846.000	
116	C.ty CP PUZZOLAN Như Xuân	2.180.000	
117	C.ty TNHH KH Vina	11.022.000	

TT	Tên doanh nghiệp	Tổng số tiền đóng góp	Ghi chú
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>
118	C.Ty Cp Đo Đặc Bản Đồ & Tư Vấn Đất Đai Tài Nguyên Môi Trường Hưng Thịnh	12.295.000	
119	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN TH	14.939.000	
120	C.ty CP mía đường Nông Cống	11.818.000	
121	Tổng C.ty CP Hàm Rồng TH	4.641.000	
122	C.ty CP tư vấn XD giao thông T.Hóa	4.155.500	
123	C.ty CP thủy điện Xuân Minh	95.576.000	
124	C.ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	8.000.000	
125	C.ty CP chế biến đá cẩm thạch & Thạch anh H&H	1.000.000	
126	C.ty CP thủy điện Bái Thượng	30.715.000	
127	C.ty CP ĐT PT thủy điện Trí Năng	1.253.000	
128	C.ty CP May B85	15.881.000	
129	Ngân hàng TM CP Sài Gòn - CN TH	2.309.000	
130	Cty CP công nông nghiệp Tiến Nông TH	129.540.000	

Phụ biểu 05:

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN THU, NỘP TRỰC TIẾP
VỀ TÀI KHOẢN QUỸ CẤP TỈNH, NĂM 2022**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BQLQ ngày / /2023 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ,
phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

**Hình thức nộp tiền: Chuyển khoản trực tiếp về tài khoản
của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa**

DVT: VN Đồng

STT	Tên công ty, đơn vị	Số tiền nộp trực tiếp về tài khoản Quỹ cấp tỉnh	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng cộng		347.553.225	
1	Trường THPT Bắc Sơn	1.252.955	
2	BQL rừng phòng hộ Như Thanh	1.236.000	
3	BQL rừng phòng hộ Sông Chàng	1.240.000	
4	BQL khu BTTN Pù Hu	3.551.000	
5	BQL khu BTTN Xuân Liên	1.354.545	
6	BQL rừng phòng hộ Quan Sơn	986.000	
7	Trường THPT Hà Văn Mao	1.829.000	
8	Trường THPT Lê Lai Ngọc Lặc	6.200.000	
9	Trường THPT Quảng Xương 4	7.450.000	
10	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Lộc	7.140.000	
11	Đình Thị Như Hoa	4.000.000	
12	Trường THPT Ngọc Lặc	9.765.000	
13	Trường THPT Bá Thước	1.828.000	
14	Trường THPT Cẩm Thủy 3	1.354.545	
15	Trường THPT Triệu Sơn 1	2.200.000	
16	Trường THPT Thiệu Hóa	3.332.000	
17	Trường THPT Mường Lát	1.156.000	
18	Trung tâm y tế Sầm Sơn	2.742.955	
19	Trường THPT Yên Định 3	1.800.000	
20	Trường THPT Đặng Thai Mai	8.100.000	
21	Trường THPT Lê Văn Hưu	2.992.000	
22	Trường THCS và THPT Thống Nhất Yên Định	8.500.000	
23	Trường THPT Yên Định 1	3.945.000	
24	Trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh	1.604.615	
25	Trường THPT Cẩm Thủy 2	970.000	
26	Trường THPT Nguyễn Quán Nho	1.768.000	

STT	Tên công ty, đơn vị	Số tiền nộp trực tiếp về tài khoản Quỹ cấp tỉnh	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
27	Trường THCS và THPT Như Thanh	1.802.000	
28	Trường THPT Đông Sơn 2	1.800.000	
29	C.ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam - Trang trại bò sữa Như Thanh (500268824-009)	5.357.800	
30	Trường THPT Cẩm Bá Thước	1.900.000	
31	Trường THPT Thường Xuân 2	1.203.000	
32	Trường THPT Nông Cống 4	1.938.000	
33	Trường THPT Thường Xuân 3	688.000	
34	Trường THPT Nguyễn Thị Lợi	6.641.000	
35	Bệnh viện đa khoa TP Thanh Hóa	8.360.000	
36	Trường THPT Cẩm Thủy 1	2.550.000	
37	Bệnh viện Đa khoa TP. Sầm Sơn	4.944.000	
38	CN Cty TNHH MTV Bò sữa VN - Trang trại bò sữa Thanh Hóa (5000268824-004)	5.000.000	
39	Trường THPT Quảng Xương 1	10.560.000	
40	Trường THPT Sầm Sơn	2.400.000	
41	Trường THPT Lê Hoàn	2.336.600	
42	Trung tâm y tế Thọ Xuân	6.835.000	
43	Trường THPT Nga Sơn	2.268.000	
44	Trung tâm Y tế Cẩm Thủy	3.808.000	
45	Trường THPT Tĩnh Gia 1	12.028.000	
46	BQL Bảo trì CTGT và điều hành hoạt động VTKH công cộng	10.486.000	
47	THPT Như Thanh	2.268.000	
48	Trường THPT Triệu Sơn 3	1.830.000	
49	Trường THPT Thọ Xuân 5	4.925.000	
50	Bệnh viện đa khoa Thiệu Hóa	7.547.336	
51	Trường THPT Hậu Lộc 3	5.424.000	
52	Hoàng Thị Hương	2.000.000	
53	Trường THPT Bỉm Sơn	11.560.000	
54	Bệnh viện đa khoa Huyện Hà Trung	10.159.091	
55	Bệnh viện đa khoa Huyện Mường Lát	11.000.000	
56	Trường THPT Thọ Xuân 4	1.360.000	
57	Hạt kiểm lâm Thường Xuân	663.500	
58	Hạt kiểm lâm Hà Trung	544.000	

STT	Tên công ty, đơn vị	Số tiền nộp trực tiếp về tài khoản Quỹ cấp tỉnh	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
59	Hạt kiểm lâm Cẩm Thủy	374.000	
60	Hạt kiểm lâm Thạch Thành	374.000	
61	Hạt kiểm lâm Mường Lát	510.000	
62	Hạt kiểm lâm Lang Chánh	578.000	
63	Hạt kiểm lâm Như Xuân	612.000	
64	Hạt kiểm lâm Quan Hóa	714.000	
65	Hạt kiểm lâm TP. Thanh Hóa	272.000	
66	CN Cty TNHH MTV Bò sữa VN - Nhà máy sữa Lam Sơn (0300588569-024)	11.970.000	
67	Đông Văn Thủy	340.000	
68	Đông Văn Thủy	374.000	
69	Nguyễn Thị Tú	4.746.000	
70	Chi cục Thuế khu vực TP. Thanh Hóa	20.000.000	
71	Trung tâm y tế huyện Đông Sơn	5.100.000	
72	Trung tâm y tế Hậu Lộc	28.458.000	
73	Lê Thị Hằng Đông Sơn	10.000.000	
74	Trường THPT Hậu Lộc 1	2.675.200	
75	Trường THCS Đông Hải	960.000	
76	Kho K 895	4.997.708	
77	Sư đoàn 341	10.515.000	
78	Đoàn kinh tế quốc phòng 5 - Mường Lát	3.499.375	

Phụ biểu 06:

CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG THU, NỘP THEO KẾ HOẠCH NĂM 2021
(Gửi về tài khoản Quỹ cấp tỉnh sau ngày 31/12/2021)

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BQLQ ngày / /2023 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: VN Đồng

TT	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>
Tổng cộng		1.215.837.362	
1	Huyện Như Thanh	49.470.000	
2	Huyện Yên Định	516.657.000	
3	TP. Thanh Hoá	21.964.900	
4	Trung tâm y tế huyện Thọ Xuân	34.584.000	
5	Huyện Quảng Xương	214.939.982	<i>Nộp lần 1</i>
6	Huyện Quảng Xương	17.532.900	<i>Nộp lần 2</i>
7	Huyện Quan Sơn	48.913.480	
8	Huyện Như Thanh	93.650.000	
9	Huyện Thạch Thành	218.125.100	

Phụ biểu 07:

TIỀN LÃI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BQLQ ngày / /2023 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: VN Đồng

TT	Thời gian kê khai thanh toán lãi	Tiền lãi	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng		372.543.043	
1	Tháng 11/2021	33.516.799	
2	Tháng 12/2021	34.791.929	
3	Tháng 1	35.522.076	
4	Tháng 3	33.492.096	
5	Tháng 4	31.094.178	
6	Tháng 5	30.734.159	
7	Tháng 6	29.570.721	
8	Tháng 7	28.285.698	
9	Tháng 8	28.011.815	
10	Tháng 9	27.831.604	
11	Tháng 10	29.870.925	
12	Tháng 11	29.821.043	

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ QUỸ NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BQLQ ngày / /2023 của BQC Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hoá)



Người ký: Nguyễn Thị Minh
Tuyền
Ngày ký: 10/01/2023 17:13:55
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: VP KBNN Thanh Hoá
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 19

Ký hiệu: 06-ĐCSDTK/KBNN

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 1 đến tháng 12 Năm 2022

Tên đơn vị: BQL quỹ bảo vệ, PT rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh

Mã ĐVQHNS: 9083324

Hóa
Địa chỉ: 49 Đại Lộ Lê Lợi - TP Thanh Hóa

Đơn vị: đồng

Diễn giải	Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản: 3761.0.9083324.91049				
Số dư đầu kỳ	54.253.182.129			
Phát sinh tăng trong kỳ	14.869.609.896			
Phát sinh giảm trong kỳ	19.605.641.744			
Số dư cuối kỳ	49.517.150.281			
Tài khoản: 3741.0.9083324.92999				
Số dư đầu kỳ	0			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	0			
Tài khoản: 3743.0.9083324.92999				
Số dư đầu kỳ	8.567.485.304			
Phát sinh tăng trong kỳ	33.209.283.938			
Phát sinh giảm trong kỳ	10.250.618.378			
Số dư cuối kỳ	31.526.150.864			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 10 tháng 1 năm 2023

Kế toán

Kế toán trưởng

Thu Do Thị Anh

Người ký: Tuyen Nguyen Thi Minh
Ngày ký: 10/01/2023 17:13:55
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: VP KBNN Thanh Hoá

Tuyen Nguyen Thi Minh

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 9 tháng 1 năm 2023

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Thuý
Ngày ký: 09/01/2023 20:30:29
Đơn vị: BQL quỹ bảo vệ, PT rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hoá

Nguyễn Thị Thuý

Người ký: Đặng Hữu Nghị
Ngày ký: 09/01/2023 20:48:01
Đơn vị: BQL quỹ bảo vệ, PT rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hoá

Đặng Hữu Nghị